

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày 17 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Minh; Ông Nguyễn Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Niêm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn P; Sinh ngày: 19 tháng 11 năm 1997. Nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Nguyễn T, sinh năm 1959 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân, ngày 16/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 03/2017/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 28/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn Y. Sinh ngày: 21 tháng 6 năm 1999; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Trần Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Mỹ L sinh năm 1969. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 03/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Minh Q. Sinh ngày: 06 tháng 9 năm 1990; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đ. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Phạm Văn V, sinh năm 1966 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1968. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Đình T; Sinh ngày: 24 tháng 12 năm 1999; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đ. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân sữa chữa điện; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Lê Đình Q, sinh năm 1974 và con bà Hồ Thị P, sinh năm 1978. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 03/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn số Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ đó cho đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Đoàn Trọng L. Sinh ngày: 21 tháng 7 năm 2000; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đ. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Đoàn Trọng T, sinh năm 1971 và con bà Đậu Thị Nt, sinh năm 1970. Bị cáo có vợ là Trần Quý Diệu T, sinh năm 2001, có con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến ngày 03/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ đó cho đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa:

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn P: Ông Nguyễn Đình Đ – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

+ Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Trọng L: Ông Phùng Văn H - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Ph, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người giám hộ hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Bích V: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 26/11/2020, Nguyễn P rủ Trần Văn Y góp tiền mua ma túy đá về nhằm mục đích sử dụng chung thì Y đồng ý. Sau đó, P gọi điện thoại cho Đoàn Trọng L đang ở thành phố Hồ Chí Minh, nhờ L mua giúp ma túy đá gửi về huyện, L đồng ý (vì L và P có thời gian chung sống cùng phòng trọ tại thành phố Hồ Chí Minh nên L biết chỗ mua ma túy đá). Sau khi thống nhất việc mua ma túy, P đưa cho Y số tiền 300.000đ, bảo Y đến thị trấn K, huyện K gửi số tiền này cho L. Sau đó, Y đưa số tiền trên nhờ Nguyễn Thị Bích V là bạn gái của Y đến Cửa hàng thế giới điện thoại tại thị trấn K, chuyển số tiền này qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel cho L (Y nói dối với V số tiền này là mẹ L gửi cho L nên V không biết gửi tiền để mua ma túy). Vì muốn mua thêm ma túy đá để sử dụng nên P đưa thêm cho Y 200.000đ và bảo Y tiếp tục gửi số tiền này cho L. Y gọi điện cho V (lúc này V đang ở thị trấn K) nhờ V dùng tiền của mình chuyển cho L 200.000đ, khi nào về gặp V thì Y sẽ trả lại cho V số tiền 200.000đ sau (Y nói dối với V đây là tiền P trả nợ cho L nên V không biết gửi tiền để mua ma túy). Chiều ngày 26/11/2020, L đã nhận được tổng cộng 500.000đ từ người gửi Nguyễn Thị Bích V qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel. Tuy nhiên, do bận việc nên L gọi điện cho P nói rằng L không thể mua “đồ” (nghĩa là ma

túy đá) giúp P được nên P gọi điện nhờ Phạm Minh Q mua ma túy đá giúp. Sau đó, P nói L chuyển cho Q số tiền 500.000đ mà L đã nhận trước đó để Q mua “đồ” (ma túy đá) giúp P. Chiều ngày 28/11/2020, L đến Cửa hàng thể giới di động tại huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh chuyển số tiền 482.000đ (số tiền còn lại sau khi đã trừ đi 18.000đ tiền cước dịch vụ gửi tiền) cho Q qua số điện thoại 0879.346.179. Trước đó, vào tối ngày 27/11/2020, Y uống bia với Lê Đình T tại nhà của T ở thôn M, xã H, Y biết T đã từng sử dụng ma túy nên nói với T là đã nhờ người mua ma túy đá và số ma túy này sắp được gửi về, lúc đó T nói “có thì cho ít chơi”.

Chiều tối ngày 29/11/2020, theo sự hướng dẫn của P, Q đi đến đường Bình Long, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh gặp một phụ nữ đứng bên lề đường (không rõ nhân thân, lai lịch) dùng 482.000đ mua ma túy đá, số ma túy trên được để trong hai bịch ni long trong suốt, Q bỏ hai bịch ni lông có chứa ma túy nói trên vào một vỏ hộp thuốc lá điều nhãn hiệu 555, được dán kín bên ngoài bằng băng keo màu vàng và có dán kèm theo tờ giấy do Q viết chữ “Sđt 0379.822.911 gửi em P”, rồi đến nhà xe Hòa Liêm ở quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh gặp anh Nguyễn Bá Đ (là nhân viên nhà xe) gửi gói hàng về cho Q (anh Đ và nhà xe không biết là ma túy). Sau đó, Q gọi điện cho P thông báo về việc đã gửi ma túy. Sau khi biết ma túy đang được gửi về, P gọi điện cho Y bảo Y sáng hôm sau đến nhà xe Hòa Liêm để nhận gói hàng (Y biết đó là ma túy đá) vì P không có xe. Sáng ngày 30/11/2020, Y đến Nhà xe Hòa Liêm tại thị trấn K để nhận gói hàng có chứa ma túy đá nhưng không lấy được do đến sớm nhà xe chưa làm việc. Sau đó, Y quay về nhà P. Tại đây, Y dùng điện thoại của P (số thuê bao 0379822911) gọi cho T và bảo T đến nhà Y, khi T đến nhà Y, Y nhờ T đến nhà xe Hòa Liêm để nhận gói hàng (T biết đó là ma túy đá) thì T đã đồng ý. Ngay sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K1-134.32 (xe của bà Hồ Thị Ph mẹ T) đi đến nhà xe Hòa Liêm, T liên hệ nhân viên nhà xe lấy gói hàng có chứa ma túy đá xong, bỏ gói hàng trên vào trong túi quần bên phải và tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K1-134.32 đi về lại xã H, khi đi đến Km15 + 754, tỉnh lộ 12, thuộc tổ dân phố 6, thị trấn Krông Kmar thì bị Công an huyện Krông Bông bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại Bản kết luận giám định số 1082/GĐMT-PC09 ngày 03/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 02 (Hai) gói nylon trong suốt là ma túy, có tổng khối lượng 0,4583 gam, loại: Methamphetamine.

* Vật chứng thu giữ được:

- 0,4120 gam ma túy, loại Methamphetamine (tang vật còn lại sau giám định) được để trong 02 túi nilông trong suốt, mỗi túi kích thước 02cm x 1,5cm, được gói lại bằng một tờ giấy màu xanh, tất cả được để bên trong một vỏ hộp thuốc lá điều nhãn hiệu 555, được dán kín bên ngoài bằng băng keo màu vàng và có dán kèm theo tờ giấy có viết chữ “*Sđt 0379.822.911 gửi em P*”. Hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, có số Seri: 0V8HLRLJBUZ5KNS4 tạm giữ của bị cáo Lê Đình T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh tím, nhãn hiệu OPPO F11, bên trong có gắn 02 thẻ sim 0942.891.802 và 0856.202.747 tạm giữ của bị cáo Trần Văn Y; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Reno3, có số Seri: C6HM5PSKIEISOZSL7 tạm giữ của bị cáo Đoàn Trọng L. Hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đen vàng cam, biển kiểm soát 47K1-134.32, số máy: JA31E-0050384, số khung: 311XEY030707. Ngày 18/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hồ Thị Ph.

- Đối với 02 điện thoại của Nguyễn P và Phạm Minh Q sử dụng để trao đổi việc nhờ mua ma túy đá, các bị cáo khai điện thoại bị mất nên không thu giữ được.

Ngày 30/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn P và Trần Văn Y.

Ngày 15/12/2020, Đoàn Trọng L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 10/6/2021, sau khi bị truy nã, Phạm Minh Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 02/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố các bị cáo Nguyễn P, Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q, đã phạm vào tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn P, Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Ph, Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn P mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 28/4/2021.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Y mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 03/02/2021.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đình T mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 03/02/2021

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Trọng L mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến ngày 03/02/2021.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249. điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh Q mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/6/2021.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy:

- 0,4120 gam ma túy, loại Methamphetamine (tang vật còn lại sau giám định) được để trong 02 túi nilông trong suốt, mỗi túi kích thước 02cm X 1,5cm, được gói

lại bằng một tờ giấy màu xanh, tất cả được để bên trong một vỏ hộp thuốc lá điều nhãn hiệu 555, được dán kín bên ngoài bằng băng keo màu vàng và có dán kèm theo tờ giấy có viết chữ “*Sđt 0379.822.911 gửi em P*”.

- Đề nghị tuyên tịch thu đầu giá nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, có số Seri: 0V8HLRLJBUZ5KNS4 của bị cáo Lê Đình T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh tím, nhãn hiệu OPPO F11, bên trong có gắn 02 thẻ sim 0942.891.802 và 0856.202.747 của bị cáo Trần Văn Y; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Reno3, có số Seri: C6HM5PSKIEISOZSL7 của bị cáo Đoàn Trọng L.

(Các vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông).

- Đề nghị HĐXX công nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đen vàng cam, biển kiểm soát 47K1-134.32, số máy: JA31E-0050384, số khung: 311XEY030707 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hồ Thị Ph.

- Đối với 02 điện thoại của Nguyễn P và Phạm Minh Q sử dụng để trao đổi việc nhờ mua ma túy đá, các bị cáo khai điện thoại bị mất nên không thu giữ được, do vậy không đặt ra để giải quyết.

Đối với bà Hồ Thị Ph, không biết bị cáo Lê Đình T sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội; đối với Nguyễn Thị Bích V, không biết việc Y nhờ chuyển tiền cho Y là để mua ma túy đá nên không có căn cứ để xử lý đối với hai người này.

Đối với anh Nguyễn Bá Đ (nhân viên nhà xe Hòa Liêm), người nhận chuyển gói hàng có chứa ma túy đá, anh Đ không biết gói hàng trên có chứa ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đã bán ma túy cho Q, do nhân thân lai lịch không rõ ràng nên chưa xác minh được.

* Về án phí: Bị cáo Nguyễn P và bị cáo Đoàn Trọng L là gia đình thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo P và bị cáo L. Còn bị cáo Trần Văn Y, Lê Đình T, Phạm Minh Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa: Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo P và bị cáo L thống nhất với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Nguyễn P và Đoàn Trọng L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đối với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo L trình bày về nhân thân, hoàn cảnh và nguyên nhân thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, mục đích của bị cáo là mua giúp ma túy cho P do nhưng không mua được đã chuyển tiền qua cho Q để mua ma túy đá, bị cáo L có nhân thân tốt, khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương. Do đó, bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo L được hưởng dưới khung hình phạt và được hưởng án treo. Còn người bào chữa cho bị cáo P trình bày về hoàn cảnh của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vì những tình tiết giảm nhẹ trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Ngoài ra, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo P và L, miễn nộp án phí cho các bị cáo.

Bị cáo P và bị cáo L nhất trí với ý kiến tranh luận của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Kiểm sát viên tranh luận: giữ nguyên đề nghị theo bản luận tội, đề nghị HĐXX không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P hưởng mức án dưới khung hình phạt và không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 54, khoản 1 Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác được thu thập trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, thể hiện:

Do ý thức coi thường pháp luật, ngày 26/11/2020, Nguyễn P và Trần Văn Y thống nhất với nhau mua ma túy đá về để sử dụng cá nhân. Sau đó, P gọi điện nhờ Đoàn Trọng L ở thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy đá giùm, L đồng ý rồi P đưa cho Y số tiền 500.000đ để Y chuyển tiền cho L nhưng do bận việc nên L không đi mua ma túy cho P được. Sau đó, P gọi điện nhờ Phạm Minh Q mua ma túy đá gửi về huyện K và P nói với L là chuyển số tiền trên cho Q để Q mua ma túy giùm. Ngày 28/11/2020, L chuyển cho Q 482.000đ (đã trừ 18.000đ tiền phí), sau khi nhận được tiền từ L, Q dùng hết số tiền trên mua ma túy đá rồi để trong một vỏ hộp thuốc lá điều nhãn hiệu 555, được dán kín bên ngoài bằng băng keo màu vàng và có dán kèm theo tờ giấy Q viết chữ “Sđt 0379.822.911 gửi em P” và gửi về huyện Không Bông bằng đường xe khách Hòa Liêm. Ngày 30/11/2020, P nói Y đi lấy ma túy đá ở nhà xe Hòa Liêm, nhưng khi đến nhà xe chưa làm việc nên Y không lấy được; do trước đó đã nói chuyện với Lê Đình T về việc mua ma túy về sử dụng chung nên sau khi quay về nhà, Y đã nhờ T đi lấy số ma túy nói trên, trên đường về thì T bị bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật. Tổng khối lượng ma túy đá theo kết luận giám định là 0,4583 gam, loại: Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn P, Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[3] Đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX xét thấy: Mục đích của các bị cáo mua ma túy về là để sử dụng, cân tịnh khối lượng chất ma túy thu giữ của của các bị cáo có khối lượng 0,4583 gam ma túy, loại Methamphetamine. Như vậy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố các bị cáo Nguyễn P, Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tệ nạn xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, các bị cáo phải biết rằng ma túy là chất độc hại, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của chính bản thân các bị cáo và có thể là mầm mống của các loại vi phạm pháp luật khác. Do đó, cần phải xét xử và áp dụng mức án thích đáng là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo, mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét thấy trong vụ án này có 05 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, vai trò, hành vi của mỗi bị cáo trong vụ án khác nhau. Do đó, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho tương xứng. Vụ án có tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn P có vai trò chính là người khởi xướng, cung cấp tiền để mua ma túy đá, P cũng là người trực tiếp liên lạc nhờ L mua ma túy, nhưng sau đó L bận công việc nên không mua được, P lại điện thoại cho L nói chuyển tiền cho Q để Q mua giùm ma túy đá gửi về huyện K. Các bị cáo Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn P, cụ thể là bị cáo Y hai lần nhờ Nguyễn Thị Bích V chuyển tiền cho L và Y cũng là người trực tiếp nhờ T đi lấy ma túy đá từ nhà xe Hòa Liêm; Bị cáo T vì muốn sử dụng ma túy đá nên đã trực tiếp đi lấy ma túy sau khi được Y nhờ; bị cáo L mặc dù đã nhận lời đi mua ma túy giúp P nhưng do bận việc nên đã chuyển số tiền 480.000đ cho Q để Q trực tiếp mua ma túy đá cho P.

- Bị cáo Nguyễn P có nhân thân xấu, có một tiền án về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích. Bị cáo Phạm Minh Q bỏ trốn bị Cơ quan điều tra truy nã rồi ra đầu thú, bị tạm giam trong trường hợp truy nã.

Xét thấy, cần cách ly các bị ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt và mới bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn P, Trần Văn Y, Đoàn Trọng L, Phạm Minh Q và Lê Đình T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo L, Q đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo L và P gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo P thuộc diện hộ nghèo và bị cáo L thuộc hộ cận nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự.

[7]. Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P và bị cáo L là có căn cứ một phần, được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định, phân tích nêu trên. Đối với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo P đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo dưới khung đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát là không có tính răn đe nên không chấp nhận. Đối với lời bào chữa cho bị cáo L đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo L được xử dưới khung và hưởng án treo là không phù hợp với những hành vi mà bị cáo đã gây ra, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[8]. Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án và đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đối với các là đầy đủ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[9]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,4120 gam ma túy, loại Methamphetamine (tang vật còn lại sau giám định) được để trong 02 túi nilông trong suốt, mỗi túi kích thước 02cm X 1,5cm, được gói lại bằng một tờ giấy màu xanh, tất cả được để bên trong một vỏ hộp thuốc lá điều nhãn hiệu 555, được dán kín bên ngoài bằng băng keo màu vàng và có dán kèm theo tờ giấy có viết chữ “Sđt 0379.822.911 gửi em P”.

- Tịch thu đầu giá nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, có số Seri: 0V8HLRLJBUZ5KNS4 tạm giữ của bị cáo Lê Đình T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh tím, nhãn hiệu OPPO F11, bên trong có gắn 02 thẻ sim 0942.891.802 và 0856.202.747 tạm giữ của bị can Trần Văn Y; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Reno3, có số Seri: C6HM5PSKIEISOZSL7 tạm giữ của bị can Đoàn Trọng L.

- Công nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đen vàng cam, biển kiểm soát 47K1-134.32, số máy: JA31E-0050384, số khung: 311XEY030707 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hồ Thị Ph.

- Đối với 02 điện thoại của Nguyễn P và Phạm Minh Q sử dụng để trao đổi việc nhờ mua ma túy đá, các bị can khai điện thoại bị mất nên không thu giữ được.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn P và bị cáo Đoàn Trọng L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Còn bị cáo Lê Đình T, Trần Văn Y, Phạm Minh Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn P, Trần Văn Y, Lê Đình T, Đoàn Trọng L và Phạm Minh Q đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 28/4/2021.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Y 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 03/02/2021.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Trọng L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến ngày 03/02/2021.

1.4. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2020 đến ngày 03/02/2021.

1.5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Q 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,4120 gam ma túy, loại Methamphetamine (tang vật còn lại sau giám định) được để trong 02 túi nilông trong suốt, mỗi túi kích thước 02cm X 1,5cm, được gói lại bằng một tờ giấy màu xanh, tất cả được để bên trong một vỏ hộp thuốc lá điều nhãn hiệu 555, được dán kín bên ngoài bằng băng keo màu vàng và có dán kèm theo tờ giấy có viết chữ “*Sđt 0379.822.911 gửi em P*”.

- Tịch thu đầu giá nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, có số Seri: 0V8HLRLJBUS5KNS4 tạm giữ của bị cáo Lê Đình T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh tím, nhãn hiệu OPPO F11, bên trong có gắn 02 thẻ sim 0942.891.802 và 0856.202.747 tạm giữ của bị can Trần Văn Y; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO Reno3, có số Seri: C6HM5PSKIEISOZSL7 tạm giữ của bị can Đoàn Trọng L.

- Công nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đen vàng cam, biển kiểm soát 47K1-134.32, số máy: JA31E-0050384, số khung: 311XEY030707 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hồ Thị Ph.

(Vật chứng được cất giữ tại Kho của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Đình T, Trần Văn Y, Phạm Minh Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn P và Đoàn Trọng L được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CA huyện Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện Krông Bông;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng